

PHỤ LỤC I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYÊN¹

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên trường: TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG

2. Địa chỉ trụ sở, số điện thoại, trang thông tin điện tử

- Địa chỉ: ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 0663758070
- Website: <http://thpt-tandong-tayninh.violet.vn>.
- Email: C3tandong.tayninh@moet.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

- Trường THPT Tân Đông là đơn vị sự nghiệp công lập.
- Cơ quan chủ quản: Sở GDĐT Tây Ninh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Trong định hướng phát triển, nhà trường xác định sứ mệnh “*Tạo dựng môi trường học tập an toàn, nền nếp, giàu chất nhân văn, uy tín về chất lượng giáo dục, phát huy năng lực và tư duy sáng tạo, mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển*”;

- Với tầm nhìn “*Là một ngôi trường mà học sinh sẽ ưu tiên lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành công*”.

- Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

+ *Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Hoàn thành mục tiêu xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2026.*

+ *Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông; biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học; có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ; có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.*

5. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị

Trường THPT Tân Đông được thành lập theo Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 27/7/2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Trường đóng trên địa bàn ấp Đông Thành, xã Tân Đông, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Nhà trường thực hiện chức năng giảng dạy học sinh bậc trung học phổ thông cho địa bàn 5 xã chính là : Tân Đông, Tân Hà, Tân Hội, Tân Hòa, Suối Ngô và các xã lân cận khác. Năm học đầu tiên trường tuyển 6 lớp 10 với 258 học sinh. Tập thể CB-GV-CNV gồm 12 người. Cơ sở vật chất chỉ có 6 phòng học lầu, điều kiện giảng dạy, học tập và sinh hoạt gặp rất nhiều khó khăn. Hiện nay, trường có 20 lớp, đủ 3 khối với trên 800 học sinh. Tập thể CBVC có 41 người, 100% giáo viên đạt chuẩn. Cơ sở vật chất của trường đang được đầu tư xây dựng ngày càng khang trang. Nhà trường hiện có tổng cộng 45 phòng, trong đó: 13 phòng hành chính, 22 phòng học, 2 phòng dạy ứng dụng CNTT, 6 phòng thực hành - thí nghiệm, 1 Thư viện và 1 phòng đọc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Lê Minh Quốc.
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0913960551
- Email: C3tandong.tayninh@moet.edu.vn

7. Về tổ chức bộ máy:

7.1 Quyết định thành lập trường: Quyết định số 97/QĐ-UBND, ngày 27/7/2006 của UBND tỉnh Tây Ninh.

7.2 Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định số 767/QĐ-SGDĐT ngày 08/3/2022 của Sở GDĐT Tây Ninh V/v Công nhận thành viên Hội đồng trường (có phụ lục 1 kèm theo)

7.3 Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường:

- Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh Quyết định ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Trung học phổ thông Tân Đông trực thuộc Sở GDĐT Tây Ninh.

- Quyết định số 78/QĐ-THPT ngày 21/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ các tổ chức, bộ phận thành viên trường THPT Tân Đông (Có phụ lục 2 kèm theo)

7.4 Đội ngũ lãnh đạo đơn vị

a. Hiệu trưởng: Lê Minh Quốc Số điện thoại: 0913960551

- Địa chỉ nơi làm việc: trường THPT Tân Đông, ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Nhiệm vụ: quản lý chung, phụ trách công tác tổ chức cán bộ, tài chính, CSVC, công tác đoàn thể.

b. P.hiệu trưởng: Trần Thanh Bình Số điện thoại: 0986393044

- Địa chỉ nơi làm việc: trường THPT Tân Đông, ấp Đông Thành, xã Tân Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Nhiệm vụ: phụ trách quản lý chuyên môn, hoạt động NGLL, trải nghiệm, công tác khảo thí

8. Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của đơn vị

8.1 Quy chế dân chủ cơ sở: Quyết định số 75/QĐ-THPT ngày 21/10/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị năm học 2024-2025 (Có phụ lục 3 kèm theo)

8.2 Bộ quy tắc ứng xử trong cơ quan:

Quyết định số 298/QĐ-THPT ngày 26/02/2023 của Hiệu trưởng trường THPT Tân Đông V/v ban hành quy định quy tắc ứng xử văn hoá trong trường học từ năm học 2023-2024 trở đi. (Có phụ lục 4 kèm theo)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thống kê đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ CMNV					Năm trước liền kề
			Th.sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I. Vị trí việc làm chuyên ngành		36	7	29				32
1	Toán	7	3	4				5
2	Vật Lý	3	1	2				3
3	Hóa học	2		2				2
4	Sinh học	2	2					2
5	Ngữ văn	7		7				5
6	Lịch sử	1		1				2
7	Địa lý	2		2				2
8	GDKT&PL	2		2				2
9	Tiếng anh	3		3				3
10	Công nghệ	0						
11	GDTC	4		4				3
12	GDQPVAN	1		1				1
13	Tin học	2	1	1				2
II. Vị trí lãnh đạo, quản lý		02		02				
1	Hiệu trưởng	1		1				
2	Ph hiệu trưởng	1		1				
III. Vị trí việc làm NVCM dùng chung		03		01	01	01		03
1	Nhân viên Thư viện	1			1			1
2	Kế toán	1		1				1
3	Y tế	1				1		1
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ		03					03	03
1	Nhân viên phục vụ	1					1	1
2	Nhân viên bảo vệ	2					2	2
Tổng cộng:		44	7	32	01	01	03	

2. Thống kê số lượng giáo viên, đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Vị trí việc làm	Mức đạt chuẩn năm 2025				Mức đạt chuẩn năm 2024			
		Tốt	Khá	TB	Đ	Tốt	Khá	TB	Đ
1.	CBQL					1 (50%)	02 (50%)		
2.	Giáo viên					30 (83.3%)	6 (16.7%)		
Cộng:						31 (81.5%)	7 (18.5%)		

3. Thống kê số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

TT	Vị trí việc làm	Số lượng	Kết quả bồi dưỡng năm 2025				Kết quả bồi dưỡng năm 2024			
			Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành		Đã hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.	CBQL	02					02	100%		
2.	Giáo viên	36					36	100%		
3.	Nhân viên	03					03	100%		
Cộng:		41					41			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Năm trước
I	Số phòng học	24	Số m ² /học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	24	1.18	1.27
2	Phòng học bán kiên cố		-	-
3	Phòng học tạm		-	-
4	Phòng học nhờ		-	-
5	Số phòng học bộ môn	6	1.6	1.6
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	-	-	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-	
8	Bình quân học sinh/lớp	20 lớp	40.3	40.35
III	Số điểm trường	1	-	1
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9742.2	12.07	12.9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)			

VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	960	1,18	1.27
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	438	0.54	0.58
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	0.08	0.09
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	96	0.11	0.12
6	Phòng khác			
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 10			
1.2	Khối lớp 11			
1.3	Khối lớp 12			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp...			
2.2	Khối lớp...			
2.3	Khối lớp...			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)			
4	Khu tập thể dục đa năng			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi; màn hình LCD và màn hình cảm ứng	22	1.1	0.44
2	Màn điện tử và máy chiếu đa năng	6	0.3	0.31
3	Cát xét	0	0	0
4	Máy vi tính, máy in (thư viện)	1	1	1
5	Máy in khảo thí	1	1	1
6	Máy tính (chuyên môn và quản lý)	5	5	5
7	Máy in (quản lý)	5	5	5
8	Máy lạnh (phòng vi tính, hội đồng và phòng họp, phòng Hiệu trưởng)	11		10

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi (LCD)		16	0.8		13
2	Bảng tương tác thông minh		6	0.3		
3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		5	0.25		0.26
5	Máy tính xách tay		9	0.45		0.47
6	Hệ thống loa nội bộ không dây		0			
7	Loa, ampli phòng hội trường cố định, phòng lab		1			1
8	Hệ thống loa nội bộ các phòng học		1			1
9	Máy photocopy					
10	Máy fax					
11	Máy scan		2			2
11	Máy quay phim KTS		0	0		0
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	Không				
XI	Nhà ăn	Không				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
	Nội dung		Có	Không		
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			

2. Danh mục sách giáo khoa đang sử dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt

TT	Khối	NXB Cánh Diều	NXB CTST	NXB KNTT
1	10	Văn, Sử, Địa, GDKTPL, Tin học, Công nghệ, GDQPAN, HĐHNTN	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	
2	11	Văn, Sử, Địa, GDKTPL, Tin học, Công nghệ, GDQPAN, HĐHNTN	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	
3	12	Văn, Sử, Địa, Tin học, GDKTPL	Toán, Vật lý, Hoá học, Sinh học	Công nghệ, GDQPAN, HĐTNHN
4	10,11,12	Môn tiếng anh: sử dụng sách Global Saccss		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Năm học 2018 trường được Sở GDĐT công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động của năm học 2025-2026

a) **Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025:** Thực hiện theo Công văn 1785/SGDĐT-KT, ngày 27/4/2025 của Sở GDĐT Tây Ninh Về việc tổ chức tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026

- **Về đối tượng tuyển sinh:** Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS), trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định của Sở GDĐT.

- Nguyên tắc tuyển sinh

Thực hiện theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào Trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026; Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Tây Ninh năm học 2025-2026.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: năm học 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 462 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025
của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Đơn vị	Số lớp	Số học sinh tuyển mới	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
16	Trường THPT Tân Đông	7	305	Kết hợp giữa thi và xét tuyển

- Các mốc thời gian lưu ý

+ Từ 07 giờ 00 ngày 12/5 đến 16 giờ 00 ngày 16/5/2025: Tổ chức cho thí sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 10 (kể cả tuyển thẳng)

+ Từ ngày 18/5/2025 đến 16 giờ 00 ngày 19/5/2025: Thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.

+ Ngày 21/5/2025: Tổ chức kiểm tra chéo hồ sơ đăng ký dự thi tuyển sinh; thông báo những trường hợp không đủ điều kiện dự thi.

+ Ngày 23/5/2025: Công bố kết quả tuyển thẳng.

+ Ngày 03/6/2024 và 04/6/2024:

Ngày	Buổi	Môn thi	Hình thức	Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi	Giờ bắt đầu làm bài
03/6/2025	Sáng	Tổ chức sinh hoạt Quy chế cho những người tham gia coi thi và thí sinh				
	Chiều	Ngữ văn (không chuyên)	Tự luận	120 phút	14 giờ 15	14 giờ 20
04/6/2025	Sáng	Toán (không chuyên)	Tự luận	120 phút	07 giờ 05	07 giờ 10
	Chiều	Tiếng Anh (không chuyên)	Trắc nghiệm	60 phút	14 giờ 15	14 giờ 20

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường; công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; Các chương trình hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại đơn vị

Nhà trường đảm bảo xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng hướng dẫn của ngành.

Hàng năm, BGH làm tốt công tác phối kết hợp với Ban đại diện CMHS trong công tác tổ chức Đại hội CMHS, phối kết hợp trong công tác quản lý nền nếp, chuyên cần và xử lý kỷ luật học sinh.

BCH Đoàn xây dựng các kế hoạch giáo dục đạo đức, hoạt động ngoại khoá nhằm giáo dục cho học sinh có lý tưởng, ước mơ, hoài bão, biết học tập và rèn luyện đạo đức tác phong trong quá trình sinh hoạt và học tập tại trường. Nhà trường đã tích cực vận động các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân, các bậc CMHS và cán bộ, viên chức trong đơn vị tích cực hưởng ứng xây dựng quỹ khuyến học nhằm kịp thời động viên, khích lệ học sinh đạt thành tích trong học tập và đạt kết quả qua các hội thi, cấp phát nhiều suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, biết vươn lên trong học tập.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THPT TÂN ĐÔNG NĂM HỌC 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	297/7 lớp - HS tốt nghiệp THPT, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu và các địa bàn khác trong tỉnh Tây Ninh - Tham gia thi tuyển vào lớp 10 THPT theo quy định của Sở GDĐT Tây Ninh và được Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt danh sách trúng tuyển.	273/ 7 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.	236/ 6 lớp - HS sinh sống thuộc địa bàn các xã của huyện Tân Châu. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường	- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ¹ (CT GDPT 2018), gồm 35 tuần thực học và thời gian còn lại dành cho tổ chức các hoạt động khác theo quy định (thực hiện theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh, đảm bảo thời gian khai giảng và bắt đầu hk1 ngày 05/9/2024 và kết thúc năm học ngày 24/5/2025. - Huy động nguồn lực, vật lực, thiết bị dạy học hiện có trong kế hoạch giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục; quan tâm xây dựng phân phối chương trình các môn học KHTN.		

¹ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020, Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021, Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022; Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức - Ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm. Thông tư số 46/2020/TT- BGDĐT ngày 24/11/2020.

		Lịch sử, địa lý, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ giáo viên của nhà trường. - Phân công giáo viên và xây dựng thời khóa biểu giữa các lớp đảm bảo tính khoa học; tổ chức tốt việc tư vấn cho CMHS và học sinh đăng ký, lựa chọn môn học, chuyên đề học tập bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; tích hợp giáo dục quyền con người; tích hợp hiệu quả các nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và đạo đức liêm chính; giáo dục bình đẳng giới; giáo dục chăm sóc mắt và phòng, chống mù lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia và biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi và các nội dung lồng ghép khác. - Quan tâm đặc biệt đến các em học sinh khuyết tật; hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các em được học tập tốt nhất.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban Đại diện CMHS đúng theo Thông tư hướng dẫn hiện hành. Ban Đại diện CMHS trường họp 3 lần/ năm và họp đột xuất khi có yêu cầu. Ban Đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định, định kỳ họp ở đầu năm, cuối hk1 và cả năm và họp đột xuất khi có đề nghị của 1 bên. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học và Nội quy của nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tác phong và tinh thần, thái độ học tập
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế, thiết bị dạy học, dụng cụ thí nghiệm-thực hành; đảm bảo các phòng học bộ môn phục vụ cho thí nghiệm, thực hành; phấn đấu trang bị mỗi lớp có 1 màn hình trình chiếu tại lớp học. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng từ, đèn chiếu sáng, quạt, màn hình trình chiếu.....Trong năm, bổ sung thêm mỗi phòng 02 quạt áp tường để đảm bảo độ thoáng mát cho học sinh trong những tháng đầu năm. - Được trang bị cơ sở vật chất khá đầy đủ để phục vụ công tác dạy và học như bổ sung máy chiếu, màn hình cảm ứng, thiết bị TNTH ở các phòng học bộ môn.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh được tham gia hoạt động công tác Đoàn, Hội, các hoạt động NGLL, hướng nghiệp, trải nghiệm; hoạt động sinh hoạt truyền thống; các hoạt động xã hội, tự nguyện, hoạt động trải nghiệm..... - Được tham gia các phong trào hội thao, hội thi: văn hóa, văn nghệ -TDTT cấp huyện, tỉnh. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động, khen thưởng từ các nguồn đóng góp quy Khuyến học của Ban Đại diện CMHS, kinh phí ngân sách cấp của nhà trường. - Được giao lưu học tập giữa các khối lớp trong nhà trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tổ chức hoạt động NGLL, ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, học sinh tích cực; cảnh quang môi trường sư phạm (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe phù đổng,...).		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh có khả năng tiếp tục học lên lớp 11 hoặc có thể tham gia phân luồng học các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, Cao đẳng nghề	- Học sinh có khả năng tiếp tục học để hoàn thành chương trình lớp 12 hoặc có thể tham gia phân luồng học trung cấp, Cao đẳng nghề	- Sau khi tốt nghiệp học sinh đủ điều kiện học các trường Cao đẳng nghề hoặc xét tuyển, thi tuyển vào các trường CĐ, ĐH

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Kết quả tuyển sinh vào lớp 10	286	286	-	-
II	Số học sinh bình quân/lớp				
-	Số học sinh chuyển đến	6			
-	Số học sinh chuyển đi	8			
III	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	792	289	271	232
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	730 (92.17%) NT: 89.51%	267 (92.39%) NT: 81.27%	247 (91.14%) NT: 91.69%	216 (93.1%) NT: 97.69%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	60 (7.58%) NT: 10.23%	22 (7.61%) NT: 18.02%	23 (8.49) NT: 8.3%	15 (6.47%) NT: 2.3%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	02 (0,25%) NT: 0.13%	0 NT:0.35%	01 (0.37%) NT: 0%	01 (0.43%) NT: 0%

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 NT:0.13%	0 NT: 0.35%	0 NT: 0%	0 NT: 0%
IV	Số học sinh chia theo học lực	792	289	271	232
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	106 (13.38%) NT: 10.76%	29 (10.03%) NT: 10.76%	36 (13.28%) NT: 8.98%	41 (17.67%) NT: 12.7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	322 (40.66%) NT: 37.41%	98 (33.91%) NT: 29.51%	109 (40.22%) NT: 35.9%	115 (49.57%) NT: 45%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	340 (42.93%) NT: 38.08%	152 (52.6%) NT: 44.79%	112 (41.33%) NT: 42.18%	76 (32.76%) NT: 40.9%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	24 (3.03%) NT: 10.2%	10 (3.46%) NT: 14.9%	14 (5.17%) NT: 12.89%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	792	289	271	232
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	768 (96.96%)	279 (96.53%)	257 (94.83%)	232 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	120 (15.9%)	29 (10.03%)	36 (13.28%)	41 (17.67%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	108 (14.34%)	-	-	-
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	45 (5.97%)	10 (3.46%)	14 (5.17%)	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	32 (4.24%)	-	-	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Chuyển đến:6 Chuyển đi: 8			
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	12	7	2	3
VI	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1	-	-	1
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0 NT: 01	1 NT: 02
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
VII	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	231(100%)	0	0	231(100%)
VIII	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	225/231 (97.4%) NT: 99.5%	-	-	225/231 (97.4%) NT: 99.5%
IX	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ so với tổng số)	NT: 94	-	-	94 (chỉ tính trường Đại học và Cao đẳng)

					ngành học Mầm non)
X	Số học sinh nam/số học sinh nữ	308/484	111/178	105/166	92/140
XI	Số học sinh dân tộc thiểu số	17/11	10/7	12/6	5/2
XII	Số học sinh khuyết tật	-	-	-	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2025 (6 tháng đầu năm 2025)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	218.2	218.2			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Phí					
1.2	Lệ phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	190.4	190.4			
3	Thu sự nghiệp khác	27.8	27.8			
B	Chi từ nguồn thu được để lại					
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	542.9	542.9			
1.1	Chi sự nghiệp.....	30.6	30.6			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	30.6	30.6			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					

2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	512.3	513.3			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	4 865	4 865	4 679		
1	Chi quản lý hành chính	4 865	4 865	4 679		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4 865	4 865	4 679		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>					
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>					

2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Vận động CBGVNV và học sinh tích cực cài đặt phần mềm VneID
- TSHS tham gia BHYT: 807/807 em (100%), trong đó:
 - + Số học sinh tham gia mua BHYT: 772, số tiền: 631.547.280đ
 - + Số học sinh diện được Nhà nước mua: 35 em

2. Công tác dạy nghề phổ thông: không

3. Công tác đoàn và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp:

- BCH Đoàn trường thực hiện công tác tuyên truyền trong đoàn viên, thanh niên Chỉ thị 35/CT-TTg ngày 21/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới; tổ chức điều tra học sinh toàn trường sử dụng các phương tiện đi đến trường; cho học sinh, CMHS tiến hành ký các cam kết về ATGT, ANTT, phòng, chống đốt pháo, ma túy....có xác nhận của GVCN. Riêng về ATGT thì GVCN ký cam kết về công tác tuyên truyền Luật ATGT với BGH, Đoàn trường thì ký cam kết dành thời gian nhắc nhở học sinh về ATGT trong các tiết sinh hoạt đầu tuần. Kết quả, trong học kỳ 1 có 02 học sinh vi phạm TTATGT bị xử phạt hành chính.

- Tổ chức diễn đàn “ Xây dựng tình bạn đẹp – nói không với bạo lực học đường”, với 790 Đoàn viên, thanh niên tham gia, góp phần nâng cao ý thức của học sinh về vấn đề bạo lực học đường. Phát động cuộc thi “Xây dựng tình bạn đẹp – nói không với BLHĐ”, bằng hình thức thiết kế video. Kết quả, có 20 video đạt và đăng lên fanpage của Đoàn trường.

- Nhà trường phối hợp Công an huyện, xã tổ chức tuyên truyền Luật ATGT 04 lần; tuyên truyền Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông có hiệu lực từ ngày 01/01/2025; tiếp tục thực hiện tuyên truyền về việc “Không giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông” đối với học sinh toàn trường trong phiên họp CMHS các lớp đầu học kỳ 2.

- Phát động CBGV,NV và học sinh tham gia Cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” năm học 2024-2025 và gửi bài thi về ngành theo quy định.

- Phối hợp Công an Tây Ninh tuyên truyền về phòng, chống ma túy cho 100 đoàn viên, thanh niên trường (17/9/2024).

- Phối hợp Công an huyện, xã Tân Đông tổ chức lễ ra mắt “Cổng trường em an toàn giao thông”.

- Cử 01 đoàn viên Tham gia Hội thi tài năng học sinh do Tỉnh đoàn tổ chức, kết quả đạt giải ba.
- Hoàn thành chỉ tiêu 80 lồng đèn do Huyện đoàn giao trong dịp tết trung thu và phối hợp tặng quà các em học sinh trường tiểu học Tân Đông với trị giá là 1,2 triệu đồng.
- Gửi tham gia 7 video Cuộc thi sáng tác video clip tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm trộm cắp năm 2024 do ngành tổ chức, kết quả đạt giải KK và được khen thưởng 800.000đ.
- Phát động CBGV và học sinh tham gia Cuộc thi trực tuyến Chung tay vì an toàn giao thông do UBND về ATGT phát động, với số lượt CBGV và học sinh tham gia là 3.691 lượt.
- Phối hợp với Sở Y tế tuyên truyền về công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia (sáng ngày 07/10/2024).
- Phối hợp Trung tâm truyền thông - Sở Y tế tổ chức tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS cho 150 học sinh (ngày 10/12/2024).
- Phát động CBGV,NV và học sinh tham gia Cuộc thi “An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai” năm học 2024-2025, có trên 4000 lượt học sinh tham gia và gửi bài thi về ngành theo quy định.
- Phát động CBGV,NV và học sinh tham gia Cuộc thi tìm hiểu về Luật An ninh mạng do Sở GDĐT tổ chức, có trên 800 CBGV và học sinh tham gia vòng loại và vào vòng chung kết đạt: 01 giải nhất; 01 giải nhì; 03 giải ba và 1 giải KK.
- Phát động học sinh tham gia Cuộc thi trực tuyến “Đất nước trọn niềm vui” do Tỉnh đoàn và Sở GDĐT phối hợp tổ chức, kết quả có 01 học sinh vào vòng chung kết, đạt giải ba.
- Tổ chức cho trên 150 học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp tại: Khu di tích Rạch Gầm - Xoài Mút và khu du lịch sinh thái Bến Tre (04/01/2025).
- Phối hợp Công an Tây Ninh tuyên truyền về phòng, chống ma túy cho 100 đoàn viên, thanh niên trường (17/9/2024).
- Duy trì các mô hình đang hoạt động có hiệu quả như : Lớp kỹ năng của Đoàn trường; CLB văn nghệ , phát thanh của Đoàn trường; CLB Tiếng Anh.Việc thành lập các Câu lạc bộ đã thu hút được sự quan tâm và tham gia của ĐVTN trong trường.
- Tham gia thi văn nghệ ”Giai điệu mùa xuân” năm 2025 do Huyện đoàn tổ chức, kết quả đạt: Giải nhất nhóm nhảy, giải nhất đơn ca và giải ba song ca và cử nhóm nhảy tham gia biểu diễn văn nghệ trong đêm văn nghệ Hội trại tòng quân do Huyện tổ chức.
- Trong năm học, nhà trường phối kết hợp với các trường Đại học, Tạp chí Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức định hướng ngành nghề, chọn ngành.....cho trên 1.600 lượt học sinh tham dự; Đại học Trà Vinh, Cao đẳng Viễn Đông tư vấn tuyển sinh trên 780 học sinh

- Tổ chức cho 100 CBGV,HS tham gia ngày hội mở của trường Đại học Miền Đông. Tổ chức đưa 50 CBGV và học sinh tham gia ngày hội tư vấn tuyển sinh tại trường Đại học Trà Vinh.

- Phát động đoàn viên thanh niên 02 lần hiến máu được 21 chỉ tiêu đơn vị máu.

- Thực hiện kế hoạch “vì đàn em thân yêu” theo KH của Huyện đoàn: hỗ trợ em Nguyễn Minh Tùng, học sinh lớp 5C trường Tiểu học Suối Ngô B (có hoàn cảnh khó khăn), phần quà trị giá 500.000đ (nguồn : quỹ đoàn).

4. Về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học: Trong năm, nhà trường sử dụng nhiều nguồn kinh phí của trích lập và 15% dạy thêm, học thêm của đơn vị để sửa chữa, duy trì đảm bảo điều kiện CSVC phục vụ cho công tác giảng dạy, cụ thể:

- Hiện nay, nhà trường có đủ phòng học, bàn ghế, đèn, quạt... đã được nâng cấp, thay mới hệ thống đèn quạt đáp ứng cho việc dạy học 1 ca; phòng thực hành bộ môn, phòng tin học cơ bản đảm bảo cho nhu cầu dạy và học.

- Trong năm học, nhà trường luôn đảm bảo bảo trì, sửa chữa hệ thống đèn, quạt, điện nước, bàn ghế.....và các thiết bị máy móc phục vụ cho công tác dạy, học và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường bằng nguồn quỹ phát triển sự nghiệp và 15% tiền dạy thêm học thêm, cụ thể:

+ Lắp đặt mới 04 màn hình 55 inch: 60.750.000đ

+ Sửa chữa bàn ghế, điện, nước: 7.950.000đ

+ Trang bị 01 máy bơm 1,5W: 2.100.000đ

+ Mua Micro, quạt treo tường 20 phòng học: 22.030.000đ.

5. Công tác xây dựng Quỹ khuyến học: Trong ngày Đại hội CMHS đầu năm trường đã vận động quỹ khuyến học được 46.550.000đ, CBGV, mạnh thường quân: 13.128.000đ. Trong kỳ họp CMHS đầu học kỳ 2, trường vận động quỹ khuyến học được 43.990.000đ, nâng tổng số tiền quỹ khuyến học trong năm học là 149.190.817.000đ. Ngoài ra, trong ngày khai giảng, trường cũng đã nhận được nhiều suất học bổng tài trợ từ các ngân hàng trong tỉnh, huyện.

6. Công tác xét cấp học bổng: Tổng cộng cấp trong năm **138.000.000đ**

- Trong ngày khai giảng, nhà trường đã vận động cấp phát học bổng: **79.500.000đ**

+ Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Tây Ninh: 20 suất, mỗi suất 1 triệu đồng.

+ Ngân hàng BIDV PGD Tân Châu: 5 suất, mỗi suất 1 triệu đồng.

+ Ngân hàng Hdbank PGD Tân Châu: 10 suất, mỗi suất 500.000đ

+ VNPT Tây Ninh: 02 suất, mỗi suất 3 triệu đồng.

+ Hội Khuyến học trường: 8 suất, mỗi suất 500.000đ

+ 01 em nhận học bổng từ Agribank Chi nhánh Tây Ninh tài trợ (2 triệu/suất).

+ 01 em nhận học bổng Huỳnh Văn Một (1,5 triệu/suất);

+ 02 em nhận học bổng Vallet tại TP.HCM (15 triệu/suất); 02 suất học bổng từ Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi tại TP.HCM (1 triệu/suất).

+ Ngày 20/11 phối hợp với cửa hàng Tiến Đạt (xã Suối Ngô) của gia đình thầy Lê Quang Nhã – Nguyên hiệu trưởng trường THPT Tân Đông tặng 5 suất học bổng cho học sinh trị giá 5 triệu đồng.

- Trong ngày sơ kết học kỳ 1: quy ra số tiền là 23.000.000đ

+ Cấp 20 suất quà Tết cho HS có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất 400.000đ = 8.000.000đ) từ vận động học sinh các lớp và tiền quỹ tình nghĩa Đoàn.

+ Cấp 20 suất quà Tết cho HS có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất 400.000đ = 8.000.000đ) từ 01 mạnh thường quân tài trợ.

+ Cấp 10 suất quà tết cho HS có hoàn cảnh khó khăn (mỗi suất 400.000đ = 4.000.000đ); 8 suất từ quỹ hỗ trợ giáo dục của trường; 02 suất do 01 PHHS lớp 11C2 tài trợ.

+ Cấp 10 suất gạo cho HS có hoàn cảnh khó khăn, mỗi suất 10kg do Căn tin nhà trường tài trợ (1.500.000đ)

+ Cấp 19 suất học bổng khuyến học cho HS nghèo, khó khăn: 19 suất x 500.000đ = 9.500.000đ.

Ngoài ra, trường đang giới thiệu 02 học sinh có hoàn cảnh khó khăn hưởng học bổng từ Tỉnh đoàn giới thiệu nhân dịp Tết Nguyên Đán, với kinh phí là 1.500.000đ

- Trong học kỳ 2: số tiền là 32.500.000đ

+ 01 học bổng “nâng bước em đến trường” do Đoàn Biên phòng Tân Hà trao (500.000đ/tháng).

+ 01 suất học bổng do trường Đại học Trà Vinh tặng (500.000đ/01 suất).

+ 02 suất học bổng do trường Cao đẳng Viễn Đông tặng (1.000.000đ/01 suất).

+ Giới thiệu 01 học sinh nhận học bổng “học không bao giờ cùng” do Tỉnh hội trao (3.000.000đ/01 suất).

+ 02 học sinh nhận học bổng HKH huyện, 02 học sinh nhận học bổng “học không bao giờ cùng” do HKH huyện tặng.

+ 06 học sinh nhận học bổng (mỗi suất 1 triệu đồng) do 01 cựu học sinh trường trao tặng.

+ 20 suất học bổng từ quỹ tình nghĩa đoàn (mỗi suất 400.000đ)

+ Cấp 05 suất học bổng hk2 (mỗi suất 500.000đ)

7. Kết quả các danh hiệu tập thể, cá nhân năm học 2024-2025

- Tập thể trưởng: đang đề nghị công nhận đạt danh hiệu tập thể LĐXS

- BCH Công đoàn: đạt HTTNV
- BCH Đoàn trường: VMXS
- Về danh hiệu thi đua cá nhân:
- + Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen: 02
- + Chiến sĩ thi đua cơ sở: 04
- + Lao động tiên tiến: 38
- + Giấy khen Giám đốc Sở GDĐT: 07

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Lê Minh Quốc